

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HS-PT
Ngày: 06-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nôm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 34/2018/HSPT ngày 22 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Ngô Thị Thanh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2018/HSST ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Bị cáo có kháng cáo: **Ngô Thị Thanh T**, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn U và bà Võ Thị S; có chồng Nguyễn Văn T; có 02 người con: lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2014 đến tháng 01/2017, Ngô Thị Thanh T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: vào năm 2014, bị cáo T còn sống chung nhà với mẹ chồng là bà Nguyễn Thị S. Khoảng 12 giờ ngày 13/11/2014, khi bà S vắng nhà, bị cáo nảy sinh ý định vào phòng riêng của bà S để tìm tiền lấy trộm. Do cửa phòng không khóa, bị cáo mở cửa vào phòng tìm thấy được chìa khóa tủ để trong hộp kim loại

(hộp bánh) mở tủ, bị cáo T lấy xấp tiền bà S để trong túi áo trong tủ, lấy trộm 3.000.000 đồng gồm 06 tờ tiền loại Polime mệnh giá 500.000 đồng rồi để phần tiền còn lại vào trong túi áo, đóng cửa tủ khóa lại và ra khỏi phòng bà S, đem về phòng riêng cất giấu. Đến sáng ngày 15/11/2014 bà S chuẩn bị đồ dùng để đi Thành phố Hồ Chí Minh khám bệnh và mở tủ lấy tiền thì phát hiện xấp tiền bà cất trong túi áo bị mất 3.000.000 đồng. Bà S nói cho Nguyễn Văn T là chồng của bị cáo biết là mất số tiền như trên. Bà S nghi ngờ bị cáo lấy trộm số tiền này nên khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi đi khám bệnh về, do bức tức việc bị mất 3.000.000 đồng nên bà S đã mời cha ruột của bị cáo T là ông Ngô Văn U đến và gọi bị cáo ra nói chuyện. Qua cuộc nói chuyện bị cáo T đã khai nhận việc lấy trộm tiền của bà S.

Vụ thứ hai: vào khoảng 08 giờ ngày 15/12/2016, Ngô Thị Thanh T bế con trai tên Nguyễn Tấn L sinh năm 2015 đến nhà ông Ngô Văn Bé T (cậu chồng T) để dự đám giỗ. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, chị Nguyễn Thị T1 (chị chồng của T) cũng đến dự đám giỗ và đậu xe bên nhà chị ruột là Nguyễn Thị T2 ở cùng ấp, cách nhà ông Bé T khoảng 50 mét để gửi túi xách đựng tiền cho chị Nguyễn Thị T2 cất giữ. Lúc này bị cáo T đang trông con bên nhà ông Bé T nhìn thấy chị T1 gửi túi xách cho chị Nguyễn Thị T2 cất giữ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Khoảng 10 giờ cùng ngày, bị cáo T bế con về nhà để cho con ngủ. Khi ra về, bị cáo bế con đi vòng ra cửa nhà sau (cửa không đóng) của chị Nguyễn Thị T2 để vào nhà, do gia đình chị Nguyễn Thị T2 đều đi đám giỗ ở nhà ông Bé T nên không có ai trông coi. Bị cáo đi thẳng vào phòng ngủ (phòng không có gắn cửa), đến tủ quần áo của chị Nguyễn Thị T2, do cửa tủ không khóa nên bị cáo dùng tay mở cánh cửa tủ ra và phát hiện cái túi xách chị T1 gửi để trong tủ. Bị cáo mở túi xách ra thấy có một cọc tiền được buộc bằng dây thun nên rút lấy một xấp tiền cất vào túi quần đang mặc rồi để cái giỏ vào tủ đóng cửa lại như ban đầu và đi bộ về nhà để cất giấu. Vật chứng thu giữ: 50 tờ tiền Polime mệnh giá 500.000 đồng; 15 tờ tiền Polime mệnh giá 200.000 đồng. Tổng cộng 28.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: vào khoảng 19 giờ ngày 28/01/2017 (nhằm ngày mùng 1 tết), anh Nguyễn Văn T là chồng của bị cáo T chở con trai lớn tên Nguyễn Tấn Đạt đi hội chợ chơi cùng với gia đình chị Nguyễn Thị T2 là chị ruột của T. Bị cáo T ở nhà cùng với con trai nhỏ tên Nguyễn Tấn L. Do không có tiền tiêu xài và biết gia đình chị Nguyễn Thị T2 đi chơi không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm tài sản. Bị cáo T đi bộ từ nhà riêng đến nhà chị Nguyễn Thị T2, do cửa nhà chị Nguyễn Thị T2 gài chốt đơn giản nên bị cáo dùng tay mở được cửa vào nhà, đi vào phòng ngủ của chị Nguyễn Thị T2 tìm được chìa khóa tủ trên kệ gỗ trong phòng và dùng chìa khóa mở được tủ quần áo bằng kim loại. Bị cáo tìm lục trong các túi áo treo trong tủ phát hiện số tiền 13.700.000 đồng được buộc bằng dây thun nên lấy đem về nhà cất giấu. Vật chứng thu giữ: 27 tờ tiền Polime mệnh giá 500.000 đồng; 01 tờ tiền Polime mệnh giá 200.000 đồng. Tổng cộng là 13.700.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HS-ST ngày 17-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Ngô Thị Thanh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Ngô Thị Thanh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27-4-2018 bị cáo Ngô Thị Thanh T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

- Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

- Về nội dung: bị cáo đã nhiều lần có hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng số tiền 44.700.000 đồng, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Ngô Thị Thanh T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật; mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Ngô Thị Thanh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo phát biểu ý kiến: Xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Ngô Thị Thanh T khai nhận hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị S và chị Nguyễn Thị T2 phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: vào khoảng 12 giờ ngày 13/11/2014, bị cáo đã lén lút lấy trộm của bà Nguyễn Thị S số tiền là 3.000.000 đồng; vào khoảng 10 giờ ngày 15/12/2016, bị cáo đã lén lút lấy trộm của chị Nguyễn Thị T2 số tiền là

28.000.000 đồng và vào khoảng 19 giờ ngày 28/01/2017, bị cáo đã lén lút lấy trộm của chị Nguyễn Thị T2 số tiền là 13.700.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo đã lấy trộm của bị hại là 44.700.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Ngô Thị Thanh T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo đã 03 lần trộm cắp tài sản của bị hại nên hành vi phạm tội của bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần. Tuy nhiên; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đã trả lại tài sản cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, có con chưa thành niên; đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù. Xét thấy bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội ở địa phương; Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tình tiết đang nuôi mẹ ruột bị bệnh tai biến để yêu cầu được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuy nhiên mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là tương xứng và không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt tù đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

[3] Về án phí: bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được

hưởng án treo của bị cáo Ngô Thị Thanh T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 18/2018/HS-ST ngày 17-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Thanh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Ngô Thị Thanh T phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện Châu Thành (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- TAND huyện Châu Thành (3b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND xã A, h. Châu Thành (1b);
- Vụ GDKT I TANDTC (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng TAND tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Tôn Văn Thông